

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	9949
ĐẾN Ngày:	27/12/15
Chuyển:	MM
Lưu hồ sơ số:	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 28



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23 tháng 7 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2014)
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2014)
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không.
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Số: *40H* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



[Signature]
Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

[Signature]
Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		308.462.504	243.621.607
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	109.333.206	85.499.687
1. Tiền	111		26.994.104	23.706.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		82.339.102	61.793.113
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		467.727	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	467.727	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.084.067	140.170.781
1. Phải thu khách hàng	131		136.846.081	107.745.175
2. Trả trước cho người bán	132		3.958.274	2.589.976
3. Các khoản phải thu khác	135	7	37.289.280	29.845.198
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.568)	(9.568)
IV. Hàng tồn kho	140	8	17.905.366	15.650.271
1. Hàng tồn kho	141		19.751.218	15.650.271
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.845.852)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.672.138	2.300.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		932.883	1.179.126
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.413.854	818.116
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		325.401	303.626
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		528.157.722	542.750.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.159.825	40.344.941
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	28.159.825	40.344.941
II. Tài sản cố định	220		377.153.206	403.999.461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	368.234.506	396.828.885
- Nguyên giá	222		547.977.051	546.200.156
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.742.545)	(149.371.271)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	6.775.779	7.155.062
- Nguyên giá	228		10.362.999	10.066.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.587.220)	(2.911.183)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	2.142.921	15.514
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		121.672.874	96.070.362
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	107.622.964	63.539.006
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	14	14.049.910	31.781.255
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.589.148
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(839.047)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.171.817	2.336.138
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	139.854	1.731.548
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	405.273	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		626.690	604.590
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		836.620.226	786.372.509

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		322.598.622		336.226.291	
I. Nợ ngắn hạn	310		195.904.174		183.411.686	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	39.749.127		67.047.229	
2. Phải trả người bán	312		63.302.150		30.287.386	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	16.709.077		12.500.111	
4. Phải trả người lao động	315		3.315.692		3.135.167	
5. Chi phí phải trả	316	18	58.884.304		56.878.105	
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.522.783		4.523.846	
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	19	3.564.134		3.587.365	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.856.907		5.452.477	
II. Nợ dài hạn	330		126.694.448		152.814.605	
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	95.184.350		134.933.477	
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		49.834	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	21	31.510.098		17.831.294	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		514.021.604		450.146.218	
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	514.021.604		450.146.218	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		161.095.191		148.114.675	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		126.770.844		127.400.152	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(17.257)		(629.308)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(806.512)		(216.391)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.605.024		27.413.843	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.109.519		14.680.782	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		175.264.795		133.382.465	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		836.620.226		786.372.509	

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngọai tệ các loại		
Đồng Việt Nam ("VND")	1.941.355.519.230	1.544.887.266.197
Đồng Euro ("EUR")	9.056	6.114
Bảng Anh ("GBP")	7.145	7.145
Đô la Singapore ("SGD")	17.493	19.751
Dinar Algeria ("DZD")	57.432.042	64.744.136



Phạm Tiến Đăng

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


MẪU SỐ B 02-DN


Đơn vị: USD


CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	637.462.962	467.241.885
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		637.462.962	467.241.885
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	518.893.005	371.377.062
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		118.569.957	95.864.823
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	43.849.793	29.330.306
6. Chi phí tài chính	22	27	6.534.854	8.858.731
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.905.656	5.427.413
7. Chi phí bán hàng	24		1.283.116	1.058.858
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		35.909.852	30.423.583
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		118.691.928	84.853.957
10. Thu nhập khác	31		2.276.271	395.570
11. Chi phí khác	32		173.831	461.970
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		2.102.440	(66.400)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		120.794.368	84.787.557
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	21.590.639	7.654.816
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(405.273)	131.735
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>99.609.002</u>	<u>77.001.006</u>

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015


 Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc


 Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng


 Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	2014		2013	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	120.794.368		84.787.557	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	31.794.730		31.654.330	
Các khoản dự phòng	03	1.006.805		839.047	
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	13.966		(292.659)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(41.713.500)		(28.068.000)	
Chi phí lãi vay	06	2.905.656		5.427.413	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	114.802.025		94.347.688	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(21.772.928)		(3.418.477)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.100.947)		(1.697.406)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	49.288.170		35.504.471	
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.837.937		6.863.774	
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.252.021)		(6.250.970)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(17.749.047)		(8.058.791)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.044.884)		(5.390.280)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	113.008.305		111.900.009	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.630.479)		(3.805.782)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	362		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.181.159)		(41.079.532)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.181.159		41.079.532	
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(24.901.958)		(26.820.091)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	299.847		-	
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.027.884		17.622.556	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.795.656		(13.003.317)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		69.296.579	
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(17.257)		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-		15.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.047.229)		(99.141.425)	
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(25.953.108)		(11.823.511)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(93.017.594)		(26.668.357)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	23.786.367		72.228.335	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	85.499.687		13.016.222	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	47.152		255.130	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	109.333.206		85.499.687	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 204.994 Đô la Mỹ (năm 2013: 517.065 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm đã bao gồm số tiền 517.065 Đô la Mỹ (năm 2013: 560 Đô la Mỹ) là tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm trước đã được thanh toán trong năm nay.

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 1.450.655 Đô la Mỹ (năm 2013: 0 Đô la Mỹ) tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam tăng trong năm bằng hình thức cân trừ công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 20.244.324 Đô la Mỹ (năm 2013: 16.751.994 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 16.751.994 Đô la Mỹ (năm 2013: 9.490.627 Đô la Mỹ) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 4.829.406 Đô la Mỹ (năm 2013: 3.182.887 Đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán bằng hình thức cân trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 12.980.516 Đô la Mỹ là cổ tức năm 2013 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2013: 11.846.818 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Phát sinh tăng quỹ đầu tư phát triển trong năm bao gồm số tiền 1.206.214 Đô la Mỹ (năm 2013: 1.663.203 Đô la Mỹ) (Thuyết minh số 22) là số tiền thuộc quỹ đầu tư phát triển điều chuyển từ các công ty con đã được thanh toán bằng hình thức cân trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



Phạm Tiến Dũng
Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Đoàn Đắc Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 457 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác, và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ trên 1 năm đến 3 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sát nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (năm 2010).

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng năm căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các giàn khoan.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

10-00
HÀNH
S TY
EM HỮU
HTT
NAM
HOC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền mặt	118.701	140.359
Tiền gửi ngân hàng	26.875.403	23.566.215
Các khoản tương đương tiền	82.339.102	61.793.113
	<u>109.333.206</u>	<u>85.499.687</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") đáo hạn vào ngày 16 tháng 3 năm 2015 với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của Vietcombank.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Phải thu nội bộ từ các công ty con	34.175.347	25.079.634
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	-	75.927
Phải thu lãi tiền gửi	274.016	597.052
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	2.034.752	3.841.663
Các khoản phải thu khác	805.165	250.922
	<u>37.289.280</u>	<u>29.845.198</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Hàng mua đang đi đường	-	29.600
Nguyên liệu, vật liệu	19.666.429	15.562.075
Công cụ, dụng cụ	84.789	58.596
	<u>19.751.218</u>	<u>15.650.271</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.845.852)	-
	<u>17.905.366</u>	<u>15.650.271</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	11.917.090	530.240.151	2.160.463	1.833.409	49.043	546.200.156
Tăng trong năm	150.844	2.464.674	165.122	112.886	-	2.893.526
Thanh lý	-	-	(73.088)	-	-	(73.088)
Chênh lệch tỷ giá	(55.647)	(987.055)	(517)	(324)	-	(1.043.543)
Tại ngày 31/12/2014	<u>12.012.287</u>	<u>531.717.770</u>	<u>2.251.980</u>	<u>1.945.971</u>	<u>49.043</u>	<u>547.977.051</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	2.297.895	143.929.959	1.706.466	1.407.854	29.097	149.371.271
Khấu hao trong năm	398.434	30.347.983	136.955	221.538	13.121	31.118.031
Thanh lý	-	-	(73.088)	-	-	(73.088)
Chênh lệch tỷ giá	(53.082)	(619.830)	(433)	(324)	-	(673.669)
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.643.247</u>	<u>173.658.112</u>	<u>1.769.900</u>	<u>1.629.068</u>	<u>42.218</u>	<u>179.742.545</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	<u>9.369.040</u>	<u>358.059.658</u>	<u>482.080</u>	<u>316.903</u>	<u>6.825</u>	<u>368.234.506</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>9.619.195</u>	<u>386.310.192</u>	<u>453.997</u>	<u>425.555</u>	<u>19.946</u>	<u>396.828.885</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II và PV Drilling III với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 296.845.564 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 316.850.542 Đô la Mỹ) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 3.619.599 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.345.774 Đô la Mỹ).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	6.121.918	2.343.669	1.600.658	10.066.245
Tăng trong năm	-	297.475	-	297.475
Chênh lệch tỷ giá	-	(721)	-	(721)
Tại ngày 31/12/2014	<u>6.121.918</u>	<u>2.640.423</u>	<u>1.600.658</u>	<u>10.362.999</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	595.939	1.285.765	1.029.479	2.911.183
Khấu hao trong năm	103.926	293.011	279.762	676.699
Chênh lệch tỷ giá	-	(662)	-	(662)
Tại ngày 31/12/2014	<u>699.865</u>	<u>1.578.114</u>	<u>1.309.241</u>	<u>3.587.220</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.422.053</u>	<u>1.062.309</u>	<u>291.417</u>	<u>6.775.779</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.525.979</u>	<u>1.057.904</u>	<u>571.179</u>	<u>7.155.062</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 1.092.873 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.020.015 Đô la Mỹ).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	2.119.095	-
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	8.176	8.176
Khác	15.650	7.338
	<u>2.142.921</u>	<u>15.514</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản Trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3-002
HÀNH
TY
HỮU HẠN
TTE
IAM
TỔ CHỨC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đồng Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Vốn điều lệ của PVD Overseas là 68 triệu Đô la Mỹ. Trong tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn tất việc góp vốn.

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong PVD Overseas từ 55% lên 80%. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas và PVD Overseas chính thức trở thành công ty con của Tổng Công ty (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty).

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	31/12/2014				31/12/2013				
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ (nguyên tệ)	Tổng vốn đã góp của Tổng Công ty USD	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn điều lệ (đồng ký)	Vốn điều lệ (đồng ký)	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	6.748.980	6.748.980	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	4.081.469	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	97	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	10.038.600	10.038.600	97	200.000.000.000	10.038.600	10.038.600
PVD Training	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD Deepwater	100	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	39.692.090	39.692.090	100	764.000.000.000	39.692.090	39.692.090
PVD Overseas	81,60	41.981.000 USD	51.141.000 USD	41.728.809	41.728.800	-	-	-	-
					107.622.964				63.539.006

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cán ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư của PVD Tech vào PVD Tubulars. Theo đó, từ năm 2014 Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
BJ-PVD	2.399.255	2.399.255
PVD-Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
PVD Overseas (xem Thuyết minh 13)	-	19.182.000
PVD Tubulars	1.450.655	-
	<u><u>14.049.910</u></u>	<u><u>31.781.255</u></u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản	-	1.335.249
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	124.831
Chi phí trả trước dài hạn khác	139.854	271.468
	<u><u>139.854</u></u>	<u><u>1.731.548</u></u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời là dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	406.087	(814)	405.273
Tại ngày 31/12/2014	406.087	(814)	405.273

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Thuế giá trị gia tăng	7.135.488	7.223.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.557.818	1.716.226
Thuế thu nhập cá nhân	1.491.680	2.091.033
Các loại thuế khác	2.524.091	1.469.114
	16.709.077	12.500.111

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2014 USD	Số phải nộp USD	Số đã nộp USD	31/12/2014 USD
Thuế giá trị gia tăng	7.223.738	35.509.477	35.597.727	7.135.488
Thuế xuất nhập khẩu	-	180.760	180.760	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.716.226	21.590.639	17.749.047	5.557.818
Thuế thu nhập cá nhân	2.091.033	23.341.258	23.940.611	1.491.680
Thuế môn bài	-	237	237	-
Các loại thuế khác	1.469.114	39.186.100	38.131.123	2.524.091
	12.500.111	119.808.471	115.599.505	16.709.077

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Trích trước chi phí hoạt động của các gián khoan	37.832.494	44.154.534
Trích trước chi phí lãi vay	1.227.609	1.649.803
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	2.153.465	2.285.632
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	15.305.077	7.437.287
Các khoản khác	2.365.659	1.350.849
	58.884.304	56.878.105

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các gián khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	134.933.477	201.980.706
Vay dài hạn đến hạn trả	(39.749.127)	(67.047.229)
	<u>95.184.350</u>	<u>134.933.477</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	-	10.248.102
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	82.388.277	105.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	5.750.000	28.750.000
MBBank và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	39.595.200	46.794.327
Ngân hàng Standard Chartered ("Standard Chartered")	7.200.000	10.800.000
	<u>134.933.477</u>	<u>201.980.706</u>

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ:

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	
				31/12/2014	31/12/2013
				<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PetroVietnam bảo lãnh	-	10.248.102
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	76.388.277	93.588.277
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	6.000.000	11.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng - biên	PetroVietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	5.750.000	28.750.000
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	39.595.200	46.794.327
Standard Chartered	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	7.200.000	10.800.000
				<u>134.933.477</u>	<u>201.980.706</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	39.749.127	67.047.229
Trong năm thứ hai	27.999.127	39.749.127
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	63.585.659	76.797.382
Sau năm năm	3.599.564	18.386.968
	<u>134.933.477</u>	<u>201.980.706</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(39.749.127)	(67.047.229)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>95.184.350</u>	<u>134.933.477</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa là 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2014	2013
	USD	USD
Tại ngày 01 tháng 01	17.831.294	9.016.500
Số trích lập trong năm	9.436.335	6.644.263
Số quỹ đã sử dụng	(24.685)	(12.343)
Kết chuyển từ công ty con	4.267.154	2.182.874
Tại ngày 31 tháng 12	31.510.098	17.831.294

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.030.733.500.000 đồng. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	282.884.900	2.828.849.000.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.036.900	3.030.369.000.000	275.258.115	2.752.581.150.000

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần, tương ứng 50,39% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.828.214 cổ phần, tương ứng 50,44%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng USD
	USD	USD							
Tại ngày 01/01/2013	117.333.602	77.037.828	(810.486)	44.076	20.036.973	11.733.360	97.581.020	322.956.373	
Cổ tức công bố	11.846.818	-	-	-	-	-	(23.683.982)	(11.837.164)	
Tăng vốn trong năm	18.934.255	50.362.324	-	-	-	-	-	69.296.579	
Thương cổ phiếu quỹ	-	-	181.178	-	(181.178)	-	-	-	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(260.467)	-	-	-	(260.467)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.894.845	2.947.422	77.001.006	77.001.006	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	1.663.203	-	(17.515.579)	(8.673.312)	
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	-	-	-	1.663.203	
Tại ngày 31/12/2013	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(216.391)	27.413.843	14.680.782	133.382.465	450.146.218	
Cổ tức công bố	12.980.516	-	-	-	-	-	(38.933.624)	(25.953.108)	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(17.257)	-	-	-	-	(17.257)	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(590.121)	-	-	-	(590.121)	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	99.609.002	99.609.002	
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.984.967	1.428.737	(18.793.048)	(10.379.344)	
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	1.206.214	-	-	1.206.214	
Thường cổ phiếu quỹ	-	(629.308)	629.308	-	-	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2014	161.095.191	126.770.844	(17.257)	(806.512)	35.605.024	16.109.519	175.264.795	514.021.604	

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 25.953.108 Đô la Mỹ, tương đương 550.984.490.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 12.980.516 Đô la Mỹ, tương đương 275.446.550.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển. Thời gian dự kiến giao dịch không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	534.231.480	380.137.982
Doanh thu bán hàng và cung cấp các dịch vụ khác	103.231.482	87.103.903
	<u>637.462.962</u>	<u>467.241.885</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	434.976.446	298.698.181
Giá vốn hàng bán và cung cấp các dịch vụ khác	83.916.559	72.678.881
	<u>518.893.005</u>	<u>371.377.062</u>

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.995.263	8.127.926
Chi phí nhân công	118.766.694	111.488.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.794.730	31.654.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.991.617	237.184.398
Chi phí khác	17.537.669	14.404.032
	<u>556.085.973</u>	<u>402.859.503</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lãi tiền gửi	3.845.817	2.330.885
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	29.759.327	18.052.562
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	8.744.477	7.684.553
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	292.659
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.500.172	969.647
	<u>43.849.793</u>	<u>29.330.306</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	2.905.656	5.427.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.966	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.792.141	2.464.785
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(839.047)	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	636.482	-
Chi phí tài chính khác	25.656	966.533
	<u>6.534.854</u>	<u>8.858.731</u>

0-002
HÀNH
3 TY
NHỮNG
ITTE
NAM
HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.794.368	84.787.557
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	38.503.804	25.993.693
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.636.450	1.004.497
Thu nhập tính thuế	84.927.014	59.798.361
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.683.943	7.474.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	2.906.696	180.021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.590.639	7.654.816

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 áp dụng là 22% tính trên thu nhập tính thuế của Tổng Công ty.

Năm 2014, Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước với số tiền là 2.906.696 Đô la Mỹ bao gồm các khoản thuế nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006 cho năm 2012 và năm 2013. Việc nộp thuế bổ sung được thực hiện theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Tổng Cục thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

30. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**Cam kết thuế văn phòng, nhà kho và thuê đất:**

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	762.968	638.492

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	836.127	637.952
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	940.654	711.219
	1.776.781	1.349.171

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh:**

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay	134.933.477	201.980.706
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>109.333.206</u>	<u>85.499.687</u>
Nợ thuần	25.600.271	116.481.019
Vốn chủ sở hữu	<u>514.021.604</u>	<u>450.146.218</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>5%</u>	<u>26%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.333.206	85.499.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	202.285.618	177.925.746
Các khoản đầu tư khác	467.727	750.101
Các khoản ký quỹ, ký cược	671.260	653.384
	<u>312.757.811</u>	<u>264.828.918</u>
Các khoản vay	134.933.477	201.980.706
Phải trả người bán và phải trả khác	66.724.440	34.743.399
Chi phí phải trả	58.884.304	56.878.105
	<u>260.542.221</u>	<u>293.602.210</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	15.435.056	15.739.584	197.242.376	113.705.206
Dinar Algeria (DZD)	416.890	822.903	890.299	2.535.728
Đô la Singapore (SGD)	49.080	330.602	336.359	15.321
Đồng Euro (EUR)	71.996	108.695	66.191	8.400
Nauy Krone (NOK)	-	3.557	-	-
Bath Thái (THB)	4.538	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	14.723	59.543	150.879	11.759
Đô la Úc (AUD)	4.058	29.359	2.460	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 3.636.146 Đô la Mỹ (năm 2013: 1.959.312 Đô la Mỹ).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 404.800 Đô la Mỹ (năm 2013: 605.942 Đô la Mỹ)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng USD
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.333.206	-	-	109.333.206
Phải thu khách hàng và phải thu khác	174.125.793	28.159.825	-	202.285.618
Các khoản đầu tư khác	467.727	-	-	467.727
Các khoản ký quỹ, ký cược	44.570	626.690	-	671.260
	283.971.296	28.786.515	-	312.757.811
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	39.749.127	91.584.786	3.599.564	134.933.477
Phải trả người bán và phải trả khác	66.724.440	-	-	66.724.440
Chi phí phải trả	58.884.304	-	-	58.884.304
	165.357.871	91.584.786	3.599.564	260.542.221
Chênh lệch thanh khoản thuần	118.613.425	(62.798.271)	(3.599.564)	52.215.590

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

31/12/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng USD
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.499.687	-	-	85.499.687
Phải thu khách hàng và phải thu khác	137.580.805	40.344.941	-	177.925.746
Các khoản đầu tư khác	-	474.383	275.718	750.101
Các khoản ký quỹ, ký cược	48.794	604.590	-	653.384
	223.129.286	41.423.914	275.718	264.828.918
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	67.047.229	116.546.509	18.386.968	201.980.706
Phải trả người bán và phải trả khác	34.743.399	-	-	34.743.399
Chi phí phải trả	56.878.105	-	-	56.878.105
	158.668.733	116.546.509	18.386.968	293.602.210
Chênh lệch thanh khoản thuần	64.460.553	(75.122.595)	(18.111.250)	(28.773.292)

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam
 Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam
 Các công ty liên doanh của Tổng Công ty

Mối quan hệ

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty con
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty liên doanh

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 USD	2013 USD
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	189.103	188.351
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	30.985.954	32.719.034
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	441.920.734	158.744.245
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	13.164.404	3.474.677
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	5.236.290	8.982.322
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	19.879.933	18.289.566
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	941.609	30.438
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam		
Lãi vay đã trả	-	12.016
Hoàn trả nợ gốc trong năm	-	1.394.925



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lương	258.460	258.510
Tiền thưởng	72.185	50.314
Các khoản phúc lợi khác	14.894	14.635
	<u><u>345.539</u></u>	<u><u>323.459</u></u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	101.466	-
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	62.335.172	65.384.690
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	101.427.924	63.323.712
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	1.418.260	1.745.278
	<u><u>31/12/2014</u></u>	<u><u>31/12/2013</u></u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	2.164.540	2.467.150
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	2.653.426	3.143.985
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	34.459	1.457.401
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	465.334	-

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2015.

Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số:	9950
ĐẾN Ngày:	27/05/15
Chuyển:	MAW
Lưu hồ sơ số:	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ
KHOAN DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI	7 - 30



Số: 405 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang Đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 2 đến trang 30. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo cáo tài chính riêng đã được quy đổi sang Đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để quy đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang Đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp quy đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra Đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để quy đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đô la Mỹ (USD) đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá liên ngân hàng bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra Đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính riêng quy đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 – Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các thủ tục a, b, c nêu trên.



Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014		31/12/2013	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		6.553.594.359.984		5.124.824.124.852	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.322.893.294.676		1.798.571.415.732	
1. Tiền	111		573.516.733.584		495.971.415.732	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.749.376.561.092		1.302.600.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.937.327.842		-	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	9.937.327.842		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.783.574.087.482		2.948.632.549.116	
1. Phải thu khách hàng	131		2.907.431.836.926		2.266.527.501.300	
2. Trả trước cho người bán	132		84.097.489.404		54.482.735.136	
3. Các khoản phải thu khác	135	7	792.248.042.880		627.823.585.128	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(203.281.728)		(201.272.448)	
IV. Hàng tồn kho	140	8	380.417.406.036		329.219.100.756	
1. Hàng tồn kho	141		419.634.377.628		329.219.100.756	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(39.216.971.592)		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.772.243.948		48.401.059.248	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.820.032.218		24.804.094.536	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.038.742.084		17.209.888.176	
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.913.469.646		6.387.076.536	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		11.221.238.961.612		11.417.307.974.472	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		598.283.641.950		848.696.178.876	
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	598.283.641.950		848.696.178.876	
II. Tài sản cố định	220		8.012.997.014.676		8.498.532.661.596	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.823.510.314.476		8.347.692.424.860	
- Nguyên giá	222		11.642.320.425.546		11.489.866.481.616	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.818.810.111.070)		(3.142.174.056.756)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	143.958.200.634		150.513.884.232	
- Nguyên giá	228		220.172.276.754		211.753.529.820	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.214.076.120)		(61.239.645.588)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	45.528.499.566		326.352.504	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.585.061.881.004		2.020.936.135.032	
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.286.557.493.144		1.336.606.530.216	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	14	298.504.387.860		668.550.480.180	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-		33.429.317.328	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		(17.650.192.692)	
IV. Tài sản dài hạn khác	260		24.896.423.982		49.142.998.968	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.971.338.084		36.424.843.728	
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	8.610.430.158		-	
3. Tài sản dài hạn khác	268		13.314.655.740		12.718.155.240	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		17.774.833.321.596		16.542.132.099.324	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		6.853.930.323.012	7.072.856.257.476
I. Nợ ngắn hạn	310		4.162.180.080.804	3.858.248.226.696
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	844.509.952.242	1.410.405.509.244
2. Phải trả người bán	312		1.344.917.478.900	637.125.451.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	355.001.049.942	262.952.334.996
4. Phải trả người lao động	315		70.445.192.232	65.951.373.012
5. Chi phí phải trả	316	18	1.251.055.922.784	1.196.487.816.780
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		74.845.047.618	95.163.624.456
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	19	75.723.590.964	75.463.810.140
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		145.681.846.122	114.698.306.172
II. Nợ dài hạn	330		2.691.750.242.208	3.214.608.030.780
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	2.022.286.700.100	2.838.460.622.172
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.048.308.024
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	21	669.463.542.108	375.099.100.584
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		10.920.902.998.584	9.469.275.841.848
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	10.920.902.998.584	9.469.275.841.848
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.030.733.500.000	2.755.286.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.446.049.927.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(364.500.000)	(11.963.553.191)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		919.479.173.357	829.379.758.528
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		710.810.506.020	537.326.744.072
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		315.890.004.237	285.673.645.424
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.510.267.940.307	2.627.522.369.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		17.774.833.321.596	16.542.132.099.324
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại				
Đồng Euro ("EUR")			9.056	6.114
Bảng Anh ("GBP")			7.145	7.145
Đô la Singapore ("SGD")			17.493	19.751
Dinar Algeria ("DZD")			57.432.042	64.744.136



Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2014	2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	13.481.704.183.338	9.781.708.862.475
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		13.481.704.183.338	9.781.708.862.475
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	10.974.068.162.745	7.774.778.792.970
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.507.636.020.593	2.006.930.069.505
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	927.379.272.157	614.029.956.110
6. Chi phí tài chính	22	27	138.205.627.246	185.457.533.485
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.451.718.744	113.622.891.155
7. Chi phí bán hàng	24		27.136.620.284	22.167.192.230
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		759.457.459.948	636.917.710.105
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		2.510.215.585.272	1.776.417.589.795
10. Thu nhập khác	31		48.140.855.379	8.281.257.950
11. Chi phí khác	32		3.676.351.819	9.671.341.950
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		44.464.503.560	(1.390.084.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.554.680.088.832	1.775.027.505.795
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	456.620.424.211	160.253.572.960
15. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(8.571.118.677)	2.757.872.225
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.106.630.783.298	1.612.016.060.610



Phạm Tiến Dũng
Phạm Tiến Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng
Đoàn Đắc Tùng
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Trần Kim Hoàng
 Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**MẪU B 03-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.554.680.088.832	1.775.027.505.795
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	672.426.744.770	662.683.398.550
Các khoản dự phòng	03	21.292.918.945	17.565.448.945
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	295.366.934	(6.126.816.165)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(882.198.811.500)	(587.603.580.000)
Chi phí lãi vay	06	61.451.718.744	113.622.891.155
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.427.948.026.725	1.975.168.848.280
Thay đổi các khoản phải thu	09	(454.927.020.196)	(71.565.815.995)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(86.730.928.103)	(35.535.194.610)
Thay đổi các khoản phải trả	11	1.042.264.971.018	743.286.100.385
Thay đổi chi phí trả trước	12	38.870.529.613	143.693.108.690
Tiền lãi vay đã trả	13	(70.075.193.838)	(130.864.056.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(376.401.140.222)	(168.710.789.585)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(127.843.251.716)	(112.845.511.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.393.105.993.281	2.342.626.688.415
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(118.948.464.059)	(79.674.046.170)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.655.938	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(490.258.331.691)	(860.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	490.258.331.691	860.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	(530.680.114.800)	(561.478.605.085)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6.404.734.000	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	714.107.084.640	368.928.209.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	70.890.895.719	(272.224.441.395)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.463.919.696.000
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(364.500.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	314.025.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.410.405.509.244)	(2.075.525.732.375)
5. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(550.984.490.000)	(247.884.694.124)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.961.754.499.244)	(545.465.730.499)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	502.242.389.756	1.524.936.516.521
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.798.571.415.732	271.101.871.816
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	997.217.648	5.341.146.550
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	62	21.082.271.540	(2.808.119.155)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)	70	2.322.893.294.676	1.798.571.415.732

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng quy đổi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 4.355.302.524 đồng (năm 2013: 10.824.755.775 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm đã bao gồm số tiền 10.824.755.775 đồng (năm 2013: 11.671.386 đồng) là tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm trước đã được thanh toán trong năm nay.

Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 30.515.952.000 đồng (năm 2013: 0 đồng) tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam tăng trong năm bằng hình thức cân trừ công nợ nội bộ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 430.110.919.389 đồng (năm 2013: 350.702.978.898 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 350.702.978.898 đồng (năm 2013: 197.451.647.768 đồng) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 102.137.107.494 đồng (năm 2013: 66.633.739.345 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán bằng hình thức cân trừ công nợ nội bộ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 275.446.550.000 đồng là cổ tức năm 2013 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2013: 250.204.800.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

Phát sinh tăng quỹ đầu tư phát triển trong năm bao gồm số tiền 25.758.694.865 đồng (năm 2013: 35.236.579.117 đồng) (Thuyết minh số 22) là số tiền thuộc quỹ đầu tư phát triển điều chuyển từ các công ty con đã được thanh toán bằng hình thức cân trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.



Phạm Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy Chứng nhận điều chỉnh lần 10 ngày 30 tháng 10 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và một chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy Chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp Điều hành Khoan.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 457 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 434 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng quy đổi

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CDKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

Báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo được quy đổi từ báo cáo tài chính riêng được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc: đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 21.246 VND/USD (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.036 VND/USD). Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 21.149 VND/USD (năm 2013: 20.935 VND/USD) và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê: Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê: Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc ban đầu bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ trên 1 năm đến 3 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản chi phí trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sát nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (năm 2010).

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được Tổng Công ty trích trước hàng năm căn cứ vào chu kỳ sửa chữa lớn định kỳ 3 năm và 5 năm 1 lần theo yêu cầu đặc thù kỹ thuật để đảm bảo duy trì hoạt động liên tục của các giàn khoan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	2.521.921.446	2.952.591.924
Tiền gửi ngân hàng	570.994.812.138	493.018.823.808
Các khoản tương đương tiền	1.749.376.561.092	1.302.600.000.000
	<u>2.322.893.294.676</u>	<u>1.798.571.415.732</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") đáo hạn vào ngày 16 tháng 3 năm 2015 với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của Vietcombank.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu nội bộ từ các công ty con	726.089.422.362	527.575.180.824
Phải thu chi phí trả hộ từ Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	-	1.597.200.372
Phải thu lãi tiền gửi	5.821.743.936	12.559.585.872
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	43.230.340.992	80.813.222.868
Các khoản phải thu khác	17.106.535.590	5.278.395.192
	<u>792.248.042.880</u>	<u>627.823.585.128</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	-	622.665.600
Nguyên liệu, vật liệu	417.832.950.534	327.363.809.700
Công cụ, dụng cụ	1.801.427.094	1.232.625.456
	<u>419.634.377.628</u>	<u>329.219.100.756</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(39.216.971.592)	-
	<u>380.417.406.036</u>	<u>329.219.100.756</u>

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Khoản phải thu dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Thiết bị vận phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	250.687.905.240	11.154.131.816.436	45.447.499.668	38.567.591.724	1.031.668.548	11.489.866.481.616
Tăng trong năm	3.190.199.756	52.125.390.426	3.492.165.178 (1.545.738.112)	2.387.426.014	-	61.195.181.374 (1.545.738.112)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	1.334.944.606	90.618.534.558	451.640.346	389.082.128	10.299.030	92.804.500.668
Tại ngày 31/12/2014	255.213.049.602	11.296.875.741.420	47.845.567.080	41.344.099.866	1.041.967.578	11.642.320.425.546
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	48.338.519.220	3.027.710.617.524	35.897.218.776	29.615.616.744	612.084.492	3.142.174.056.756
Khấu hao trong năm	8.426.480.666	641.829.492.467	2.896.461.295 (1.545.738.112)	4.685.307.162	277.496.029	658.115.237.619 (1.545.738.112)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	(606.574.124)	20.000.137.561	355.353.441	310.254.822	7.383.107	20.066.554.807
Tại ngày 31/12/2014	56.158.425.762	3.689.540.247.552	37.603.295.400	34.611.178.728	896.963.628	3.818.810.111.070
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	199.054.623.840	7.607.335.493.868	10.242.271.680	6.732.921.138	145.003.950	7.823.510.314.476
Tại ngày 31/12/2013	202.349.386.020	8.126.421.198.912	9.550.280.892	8.951.974.980	419.584.056	8.347.692.424.860

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính riêng từ đồng Đô la Mỹ sang đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Tổng Công ty đã chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II và PV Drilling III với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 6.306.780.852.744 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.665.268.001.512 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 76.902.000.354 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 70.381.711.120 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	128.780.667.048	49.301.421.084	33.671.441.688	211.753.529.820
Tăng trong năm	-	6.291.298.775	-	6.291.298.775
Chênh lệch tỷ giá	1.285.602.780	505.707.199	336.138.180	2.127.448.159
Tại ngày 31/12/2014	<u>130.066.269.828</u>	<u>56.098.427.058</u>	<u>34.007.579.868</u>	<u>220.172.276.754</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	12.536.172.804	27.047.352.540	21.656.120.244	61.239.645.588
Khấu hao trong năm	2.197.930.974	6.196.889.639	5.916.686.538	14.311.507.151
Chênh lệch tỷ giá	135.228.012	284.364.131	243.331.238	662.923.381
Tại ngày 31/12/2014	<u>14.869.331.790</u>	<u>33.528.606.310</u>	<u>27.816.138.020</u>	<u>76.214.076.120</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>115.196.938.038</u>	<u>22.569.820.748</u>	<u>6.191.441.848</u>	<u>143.958.200.634</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>116.244.494.244</u>	<u>22.254.068.544</u>	<u>12.015.321.444</u>	<u>150.513.884.232</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính riêng từ đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với giá trị là 23.219.184.007 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.457.038.275 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	45.022.292.370	-
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	173.707.296	171.990.336
Khác	332.499.900	154.362.168
	<u>45.528.499.566</u>	<u>326.352.504</u>

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Theo Quyết định số 358/QĐ-PVD ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng Quản Trị, Tổng Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của PVD Offshore từ 80 tỷ đồng lên 130 tỷ đồng. Số vốn tăng thêm đã được Tổng Công ty góp đủ tại ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31_00 Suntec Tower 2, Singapore. Vốn điều lệ của PVD Overseas là 68 triệu Đô la Mỹ. Trong tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn tất việc góp vốn.

Theo Nghị quyết số 01/02/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng Công ty quyết định tăng tỷ lệ sở hữu trong PVD Overseas từ 55% lên 80%. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc tăng vốn đầu tư vào PVD Overseas và PVD Overseas chính thức trở thành công ty con của Tổng Công ty (năm 2013: PVD Overseas là công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty).

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ đã đăng ký (nguyên tệ)	Tổng vốn các bên đã góp (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư		Tỷ lệ sở hữu %		
			31/12/2014 VND	31/12/2013 USD			
PVD Offshore	130.000.000.000 VND	130.000.000.000 VND	130.000.000.000	6.748.980	80.000.000.000	4.393.822	100
PVD Well	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	4.081.469	80.000.000.000	4.081.469	100
PVD Logging	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	4.236.939	80.000.000.000	4.236.939	100
PVD Tech	200.000.000.000 VND	200.000.000.000 VND	194.000.000.000	10.038.600	194.000.000.000	10.038.600	97
PVD Training	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	19.755.753.400	1.096.066	19.755.753.400	1.096.066	52
PVD Deepwater	764.000.000.000 VND	764.000.000.000 VND	764.000.000.000	39.692.090	764.000.000.000	39.692.090	100
PVD Overseas	41.961.000 USD	51.141.000 USD	886.570.084.800	41.728.800	-	-	81,60
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi			132.231.654.944	-	118.850.776.816	-	
			2.286.557.493.144	107.622.964	1.336.606.530.216	63.539.006	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ - PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5.000.000 Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại Công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD - Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại Công ty này.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư của PVD Tech vào PVD Tubulars. Theo đó, từ năm 2014 Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BJ-PVD	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Baker Hughes	211.753.000.000	211.753.000.000
PVD Overseas (xem Thuyết minh 13)	-	405.889.970.000
PVD Tubulars	30.515.952.000	-
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	8.196.321.905	2.868.396.225
	<u>298.504.387.860</u>	<u>668.550.480.180</u>

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản	-	28.088.297.964
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	-	2.625.944.916
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.971.338.084	5.710.600.848
	<u>2.971.338.084</u>	<u>36.424.843.728</u>

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời là dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	8.588.333.963	(17.215.286)	8.571.118.677
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính	39.390.439	(78.958)	39.311.481
Tại ngày 31/12/2014	8.627.724.402	(17.294.244)	8.610.430.158

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	151.600.578.048	151.958.552.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.081.401.228	36.102.530.136
Thuế thu nhập cá nhân	31.692.233.280	43.986.970.188
Các loại thuế khác	53.626.837.386	30.904.282.104
	355.001.049.942	262.952.334.996

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong năm của Tổng công ty:

	01/01/2014 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	tỷ giá VND	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	151.958.552.568	751.038.689.521	751.398.775.708	2.111.667	151.600.578.048
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.832.178.863	3.832.178.863	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	36.102.530.136	458.566.474.141	376.401.140.222	(186.462.827)	118.081.401.228
Thuế thu nhập cá nhân	43.986.970.188	496.744.241.609	507.095.380.037	(1.943.598.480)	31.692.233.280
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các loại thuế khác	30.904.282.104	831.256.189.933	808.536.537.318	2.902.667	53.626.837.386
	262.952.334.996	2.541.442.774.067	2.447.269.012.148	(2.125.046.973)	355.001.049.942

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	803.789.167.524	928.834.780.800
Trích trước chi phí lãi vay	26.081.780.814	34.705.255.908
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	45.752.517.390	48.080.551.176
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	325.171.665.942	156.450.769.332
Các khoản khác	50.260.791.114	28.416.459.564
	1.251.055.922.784	1.196.487.816.780

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

20. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay dài hạn	2.866.796.652.342	4.248.866.131.416
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(844.509.952.242)</u>	<u>(1.410.405.509.244)</u>
	<u>2.022.286.700.100</u>	<u>2.838.460.622.172</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	-	215.579.073.672
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	1.750.421.333.142	2.216.947.794.972
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	122.164.500.000	604.785.000.000
MBBank và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	841.239.619.200	984.365.462.772
Ngân hàng Standard Chartered ("Standard Chartered")	<u>152.971.200.000</u>	<u>227.188.800.000</u>
	<u>2.866.796.652.342</u>	<u>4.248.866.131.416</u>

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ:

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	
				31/12/2014	31/12/2013
				VND	VND
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PetroVietnam bảo lãnh	-	215.579.073.672
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng - biên	Giàn PV Drilling II	1.622.945.333.142	1.968.722.994.972
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng - biên	Không có	127.476.000.000	248.224.800.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PetroVietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	122.164.500.000	604.785.000.000
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	841.239.619.200	984.365.462.772
Standard Chartered	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	152.971.200.000	227.188.800.000
				<u>2.866.796.652.342</u>	<u>4.248.866.131.416</u>

10-027-
 HÁNH
 TỶ
 NHỮA
 ITTE
 NAM
 HỒ CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	844.509.952.242	1.410.405.509.244
Trong năm thứ hai	594.869.452.242	836.162.635.572
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.350.940.911.114	1.615.509.727.752
Sau năm năm	76.476.336.744	386.788.258.848
	2.866.796.652.342	4.248.866.131.416
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(844.509.952.242)	(1.410.405.509.244)
Số phải trả sau 12 tháng	2.022.286.700.100	2.838.460.622.172

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa là 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	375.099.100.584	187.795.662.000
Số trích lập trong năm	200.484.369.160	139.768.716.468
Số quỹ đã sử dụng	(527.000.000)	(260.681.986)
Kết chuyển từ công ty con	91.125.061.342	45.837.615.306
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	3.282.011.022	1.957.788.796
Tại ngày 31 tháng 12	669.463.542.108	375.099.100.584

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 10, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.030.733.500.000 đồng, Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
Số cổ phần được duyệt	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Số cổ phần đã phát hành				
Cổ phần phổ thông	282.921.350	2.829.213.500.000	235.528.695	2.355.286.950.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.073.350	3.030.733.500.000	275.528.695	2.755.286.950.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phần phổ thông	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
	(36.450)	(364.500.000)	(270.580)	(2.705.800.000)
Số cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phần phổ thông	282.884.900	2.828.849.000.000	235.258.115	2.352.581.150.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	40.000.000	400.000.000.000
	303.036.900	3.030.369.000.000	275.258.115	2.752.581.150.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần sở hữu của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Petrovietnam hiện sở hữu 152.711.035 cổ phần, tương ứng 50,39% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 138.828.214 cổ phần, tương ứng 50,44%) tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng quy đổi
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu YND	Thặng dư vốn cổ phần YND	Cổ phiếu quỹ YND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái YND	Quy đầu tư phát triển YND	Quy dự phòng tài chính YND	Lợi nhuận chưa phân phối YND	Tổng YND
Tại ngày 01/01/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	765.998.167.531	382.125.802.639	223.969.365.854	1.882.637.389.916	6.726.535.336.844
Cổ tức công bố	250.204.800.000	-	-	-	-	-	(500.442.435.000)	(250.237.635.000)
Tăng vốn trong năm	400.000.000.000	1.063.919.696.000	-	-	-	-	-	1.463.919.696.000
Thương cổ phiếu quỹ	-	-	3.444.307.759	-	(3.444.307.759)	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	63.381.590.997	-	-	-	63.381.590.997
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	123.408.580.075	61.704.279.570	(366.688.646.365)	(181.575.786.720)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	35.236.579.117	-	-	35.236.579.117
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	537.326.744.072	285.673.645.424	2.627.522.369.161	9.469.275.841.848
Tại ngày 31/12/2013	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	829.379.758.528	-	-	(826.431.040.000)	(550.984.490.000)
Cổ tức công bố	275.446.550.000	-	(364.500.000)	-	-	-	-	(364.500.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	90.099.414.829	-	-	-	90.099.414.829
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	147.725.067.083	30.216.358.813	2.106.630.783.298	2.106.630.783.298
Phân phối quỹ	-	-	-	-	25.758.694.865	-	-	(219.512.746.256)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	-	-	-	25.758.694.865
Thương cổ phiếu quỹ	-	(11.963.553.191)	11.963.553.191	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2014	3.030.733.500.000	2.434.086.374.663	(364.500.000)	919.479.173.357	710.810.506.020	315.890.004.237	3.510.267.940.307	10.920.902.998.584

Theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng công ty thực hiện chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 30% vốn điều lệ, trong đó 20% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 20% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền 25.953.108 Đô la Mỹ tương đương 550.984.490.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 12.980.516 Đô la Mỹ tương đương 275.446.550.000 đồng từ việc thanh toán 10% cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển và phúc lợi, quỹ khen thưởng và phúc lợi, quỹ khen thưởng Ban điều hành và quỹ dự phòng tài chính với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5%, 1,5% và 5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt phương án mua lại 2 triệu cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển. Thời gian dự kiến giao dịch không quá 6 tháng kể từ ngày được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và quy đổi báo cáo tài chính riêng từ đồng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐÀU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VND	CLTG từ việc quy đổi báo cáo tài chính riêng VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	(1.892.121.031)	767.890.288.562	765.998.167.531
Phát sinh trong năm	(5.452.876.645)	68.834.467.642	63.381.590.997
Tại ngày 31/12/2013	(7.344.997.676)	836.724.756.204	829.379.758.528
Phát sinh trong năm	(12.480.469.029)	102.579.883.858	90.099.414.829
Tại ngày 31/12/2014	<u>(19.825.466.705)</u>	<u>939.304.640.062</u>	<u>919.479.173.357</u>

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	11.298.461.570.520	7.958.188.653.170
Doanh thu bán hàng và cung cấp các dịch vụ khác	2.183.242.612.818	1.823.520.209.305
	<u>13.481.704.183.338</u>	<u>9.781.708.862.475</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	9.199.316.856.454	6.253.246.419.235
Giá vốn hàng bán và cung cấp các dịch vụ khác	1.774.751.306.291	1.521.532.373.735
	<u>10.974.068.162.745</u>	<u>7.774.778.792.970</u>

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	253.687.817.187	170.158.130.810
Chi phí nhân công	2.511.796.811.406	2.334.018.383.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.426.744.770	662.683.398.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.951.846.707.933	4.965.455.372.130
Chi phí khác	370.904.161.681	301.548.409.920
	<u>11.760.662.242.977</u>	<u>8.433.863.695.305</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	81.335.183.733	48.797.077.475
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	629.380.006.723	377.930.385.470
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	184.936.944.073	160.876.117.055
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.126.816.165
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31.727.137.628	20.299.559.945
	<u>927.379.272.157</u>	<u>614.029.956.110</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	61.451.718.744	113.622.891.155
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	295.366.934	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	80.199.990.009	51.600.273.975
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(17.745.005.003)	-
Lỗi do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	13.460.957.818	-
Chi phí tài chính khác	542.598.744	20.234.368.355
	<u>138.205.627.246</u>	<u>185.457.533.485</u>

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.554.680.088.832	1.775.027.505.795
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	814.316.950.796	544.177.962.955
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	55.758.281.050	21.029.144.695
Thu nhập tính thuế	1.796.121.419.086	1.251.878.687.535
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	396.959.050.939	157.239.791.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	61.607.423.202	3.807.441.570
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	(1.946.049.930)	(793.660.437)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	456.620.424.211	160.253.572.960

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 áp dụng là 22% tính trên thu nhập tính thuế của Tổng Công ty.

Năm 2014, Tổng Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước với số tiền là 61.607.423.202 đồng bao gồm các khoản thuế nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đã kê khai giảm 50% do niêm yết chứng khoán lần đầu giai đoạn 2004-2006 cho năm 2012 và năm 2013. Việc nộp thuế bổ sung được thực hiện theo Công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Tổng Cục thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thánh phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất**

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>16.136.010.232</u>	<u>13.366.830.020</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	17.764.354.242	13.419.958.272
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>19.985.134.884</u>	<u>14.961.202.884</u>
	<u>37.749.489.126</u>	<u>28.381.161.156</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	2.866.796.652.342	4.248.866.131.416
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2.322.893.294.676</u>	<u>1.798.571.415.732</u>
Nợ thuần	543.903.357.666	2.450.294.715.684
Vốn chủ sở hữu	<u>10.920.902.998.584</u>	<u>9.469.275.841.848</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>5%</u>	<u>26%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.322.893.294.676	1.798.571.415.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.297.760.240.028	3.742.845.992.856
Các khoản đầu tư khác	9.937.327.842	15.779.124.636
Các khoản ký quỹ, ký cược	14.261.589.960	13.744.585.824
	6.644.852.452.506	5.570.941.119.048
Các khoản vay	2.866.796.652.342	4.248.866.131.416
Phải trả người bán và phải trả khác	1.417.627.452.240	730.862.141.364
Chi phí phải trả	1.251.055.922.784	1.196.487.816.780
	5.535.480.027.366	6.176.216.089.560

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối đồng tiền (bao gồm đồng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đồng Việt Nam (VND)	327.933.209.810	331.097.893.827	4.190.611.515.762	2.391.902.719.408
Dinar Algeria (DZD)	8.857.252.341	17.310.581.845	18.915.301.840	53.341.575.481
Đô la Singapore (SGD)	1.042.750.120	6.954.539.839	7.146.287.047	322.292.135
Đồng Euro (EUR)	1.529.632.178	2.286.507.421	1.406.293.334	176.696.720
Krone Nauy (NOK)	-	74.818.057	-	-
Bath Thái (THB)	96.417.950	-	-	-
Bảng Anh (GBP)	312.797.232	1.252.548.240	3.205.572.823	247.354.541
Đô la Úc (AUD)	86.214.196	617.590.465	52.255.387	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 77.253.557.916 đồng (năm 2013: 41.216.087.232 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng/giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 8.600.380.800 đồng (năm 2013: 12.746.595.912 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.322.893.294.676	-	-	2.322.893.294.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.699.476.598.078	598.283.641.950	-	4.297.760.240.028
Các khoản đầu tư khác	9.937.327.842	-	-	9.937.327.842
Các khoản ký quỹ, ký cược	946.934.220	13.314.655.740	-	14.261.589.960
	6.033.254.154.816	611.598.297.690	-	6.644.852.452.506
Các khoản vay	844.509.952.242	1.945.810.363.356	76.476.336.744	2.866.796.652.342
Phải trả người bán và phải trả khác	1.417.627.452.240	-	-	1.417.627.452.240
Chi phí phải trả	1.251.055.922.784	-	-	1.251.055.922.784
	3.513.193.327.266	1.945.810.363.356	76.476.336.744	5.535.480.027.366
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.520.060.827.550	(1.334.212.065.666)	(76.476.336.744)	1.109.372.425.140
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.798.571.415.732	-	-	1.798.571.415.732
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.894.149.813.980	848.696.178.876	-	3.742.845.992.856
Các khoản đầu tư khác	-	9.979.120.788	5.800.003.848	15.779.124.636
Các khoản ký quỹ, ký cược	1.026.430.584	12.718.155.240	-	13.744.585.824
	4.693.747.660.296	871.393.454.904	5.800.003.848	5.570.941.119.048
Các khoản vay	1.410.405.509.244	2.451.672.363.324	386.788.258.848	4.248.866.131.416
Phải trả người bán và phải trả khác	730.862.141.364	-	-	730.862.141.364
Chi phí phải trả	1.196.487.816.780	-	-	1.196.487.816.780
	3.337.755.467.388	2.451.672.363.324	386.788.258.848	6.176.216.089.560
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.355.992.192.908	(1.580.278.908.420)	(380.988.255.000)	(605.274.970.512)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍLầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng quy đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam
 Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng
 phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam
 Các công ty liên doanh của Tổng Công ty

Mối quan hệ

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty con
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam
 Công ty liên doanh

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	3.999.339.347	3.943.128.185
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	655.321.941.146	684.972.976.790
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	9.346.181.603.366	3.323.310.769.075
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>278.413.980.196</u>	<u>72.742.362.995</u>
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	110.742.297.210	188.044.911.070
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	420.440.703.017	382.892.064.210
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	19.914.088.741	637.219.530
Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam		
Lãi vay đã trả	-	251.554.960
Hoàn trả nợ gốc trong năm	-	<u>29.202.754.875</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	5.466.162.000	5.411.898.000
Tiền thưởng	1.526.644.500	1.053.323.000
Các khoản phúc lợi khác	315.000.000	306.380.000
	<u>7.307.806.500</u>	<u>6.771.601.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	2.155.736.801	-
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	1.324.373.070.265	1.471.962.567.036
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	2.154.937.673.304	1.332.077.605.632
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>30.132.351.960</u>	<u>36.713.668.008</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng quy đổi kèm theo*

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	45.987.821.008	51.898.957.934
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	56.374.680.061	166.652.619.288
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	732.115.914	30.657.896.902
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>9.886.486.164</u>	<u>-</u>

33. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUY ĐỔI

Báo cáo tài chính riêng quy đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2015.



Phạm Tiên Dũng
Phạm Tiên Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Hồ Ngọc Yên Phương
Hồ Ngọc Yên Phương
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng
Đoàn Đức Tùng
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng
Trần Kim Hoàng
Người lập biểu

